TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CR** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2022/QĐST-HNGĐ	*CR, ngày 16 tháng 5 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH SƠ THẨM
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH
V/v: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CR, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Trần Quốc Hay

Thư ký phiên họp: Bà Trần Thị Thanh Huyền

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố CR tham gia phiên họp: Ông Bùi Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố CR mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 12/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung"* theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Bà Đỗ Thị Ái N - Sinh năm 1988

Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố Hòa Do 2, phường Cam Phúc Bắc, thành phố CR, tỉnh Khánh Hòa.

Chỗ ở hiện nay: Thôn D, xã H, huyện Hàm Thuận N, tỉnh Bình Thuận (Có đơn xin vắng mặt).

2/ Ông Phan Văn P - Sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường C, thành phố CR, tỉnh Khánh Hòa. (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

**** Theo đơn yêu cầu và trong quá trình giải quyết việc hôn nhân gia đình người yêu cầu bà Đỗ Thị Ái N và ông Phan Văn P trình bày:***

Chúng tôi tự nguyện kết hôn năm 2011, được Ủy ban nhân dân phường C, thành phố CR, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 84, quyển số 01/2011 ngày 25/8/2011.

Trong quá trình chung sống giữa chúng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không thể giải quyết được, hiện nay chúng tôi không còn sống chung với nhau

nữa. Nay chúng tôi không thể hàn gắn được nữa nên chúng tôi yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Chúng tôi có tất cả 02 con chung tên là Phan Uyển M, sinh ngày 11/11/2011 và Phan Khả M2, sinh ngày 29/3/2015. Chúng tôi tự thỏa thuận giao con chung cho bà Đỗ Thị Ái N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn. Ông Phan Văn P có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 4.000.000 đồng/tháng (mỗi con 2.000.000 đồng/tháng) cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chúng tôi không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố CR nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Ái N và ông Phan Văn P tự nguyện kết hôn năm năm 2011, được Ủy ban nhân dân phường Cam Phúc Bắc, thành phố CR, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 84, quyển số 01/2011 ngày 25/8/2011. Xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nay bà N và ông P đều yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố CR công nhận thuận tình ly hôn nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Xét việc thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của bà Đỗ Thị Ái N và ông Phan Văn P về việc giao con chung tên là Phan Uyển M, sinh ngày 11/11/2011 và Phan Khả M2, sinh ngày 29/3/2015 cho bà Đỗ Thị Ái N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn. Ông Phan Văn P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng/tháng (mỗi con 2.000.000 đồng/tháng) cho đến khi 02 cháu Uyển M1 và Khả M2 lần lượt đủ 18 tuổi. Việc thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đỗ Thị Ái N và ông Phan Văn P xác định không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về lệ phí: Bà Đỗ Thị Ái N và ông Phan Văn P mỗi người phải nộp lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 367 và các Điều 370, 371, 372 và Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55,57, 81, 82, 83, 84, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Đỗ Thị Ái N và ông Phan Văn P.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Phan Uyển M, sinh ngày 11/11/2011 và Phan Khả M2, sinh ngày 29/3/2015 cho bà Đỗ Thị Ái N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn. Ông Phan Văn P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng/tháng (mỗi con 2.000.000 đồng/tháng) cho đến khi 02 cháu Uyển My và Khả My lần lượt đủ 18 tuổi.

* Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đỗ Thị Ái N và ông Phan Văn P xác định không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xét.

5.Về lệ phí Tòa án: Bà Đỗ Thị Ái N và ông Phan Văn P mỗi người phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2021/0006985 ngày 28/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố CR. Bà Đỗ Thị Ái N và ông Phan Văn P đã nộp đủ tiền lệ phí theo quy định.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

<u>Quy định:</u>

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP. CR;
- CC THADS TP. CR
- UBND phường C (số 84, quyển số 01/2011, ngày 25/8/2011);
- Lưu: hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

Trần Quốc Hay